TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 9 - 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Hồng Phúc
Bà Nguyễn Thị Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1991 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc
Nơi ở hiện tại: Thôn G, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc
- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 05 tháng 12 năm 2014. Sau ngày cưới chị về làm dâu ngay và làm ăn, ở chung cùng gia đình anh T. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3 năm 2016 chị phát hiện anh T không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình là do anh thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị và gia đình anh

nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không từ bỏ được; đến tháng 6 năm 2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình có dàn xếp nhưng anh chị không còn thiện chí đoàn tụ và sống ly thân nhau cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Chị L xác nhận có 01con là Trần Thùy D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2015, hiện cháu D đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L xác nhận chị và anh T không có tài sản gì.

Về tài sản riêng: Chị L xác nhận chị và anh T không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công nợ: Chị L xác nhận chị và anh T không có tài sản cho ai vay và cũng không vay của ai tài sản gì.

Về đất canh tác: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Tại phiên tòa, chị L xác nhận chị có khoảng 02 năm 06 tháng làm ăn, ở chung cùng gia đình anh T, trong thời gian này chị chưa cùng gia đình anh tạo lập được tài sản gì lớn. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn T đã được triệu tập nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị A (mẹ đẻ anh T) trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày. Khoảng ngày 12 hoặc 13 tháng 5 năm 2019 anh T tự bỏ đi làm ăn không nói gì với gia đình bà và thỉnh thoảng anh T có liên lạc với gia đình bà bằng số điện thoại 0372897788. Các lần nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh T đến Tòa án để giải quyết việc chị L xin ly hôn anh T, bà đều điện thoại thông báo cho anh T biết, bà có hỏi anh T đang làm gì? ở đâu? anh T trả lời: "Con đi làm thuê nay chỗ này mai chỗ khác, bận công việc không thể về làm việc theo yêu cầu của Tòa án được. Con đồng ý ly hôn với chị L và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt".

Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh T và không hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng anh T vắng mặt không đến Tòa án lần nào, nhưng đã được Tòa án làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn anh T và giao cháu Trần Thùy D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2015 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị Phạm Thị L và anh Trần Văn T là vợ chồng, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T có nơi cư trú tại xã T, huyện Y, nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L là do anh T thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn. Anh T vắng mặt, không rõ quan điểm của anh ra sao. Tuy nhiên, qua lời trình bày của chị L, của bà A và qua thu thập chứng cứ thì thấy chị L và anh T sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2017 đến nay, nay anh T đã được bà A thông báo việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập yêu cầu anh T đến làm việc nhưng anh T không đến, với lý do anh bận công việc, không thể về được và không cung cấp địa chỉ nơi anh đang làm ăn sinh sống, nên có căn cứ xác định anh T cố tình giấu địa chỉ, điều đó cho thấy anh T không có thiện chí để dàn xếp tình cảm. Vì vậy, việc chị L xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ chị L và anh T có 01 con như chị L đã xác nhận. Nguyện vọng xin nuôi con của chị L là chính đáng. Chị xác định chị làm công nhân Công ty X có mức thu nhập 10.000.000đ/tháng, chị đủ điều kiện bảo đảm cuộc sống cho con không cần anh T cấp dưỡng nuôi con là trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng, do anh T vắng mặt, không rõ quan điểm của anh như thế nào, nên không đặt ra xem xét, giải quyết về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức, để khi nào anh T có mặt mà có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thùy D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2015; anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0000775 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai Hương